

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Số: 23.04/2015/CV-KTB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 23 tháng 4 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Mã chứng khoán: KTB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02/660 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 043 719 9999 Fax: 043 719 2222

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Văn Hiến

Địa chỉ: Số 02/660 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043 719 8888 Fax: 043 719 2222

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/4/2015 tại đường dẫn www.ktb.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hiền

Số: 23.04/2015/BC-HĐQT

Hà nội, Ngày 23 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102119727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 03/9/2014.
- Vốn điều lệ: 402.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 402.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02/660 Lạc Long Quân-P.Nhật Tân- Q.Tây Hồ- Hà Nội
- Điện thoại: 04.3719.8888 Fax: 04.3719.2222
- Website: www.ktb.com.vn Email: contact@ktb.com.vn
- Mã cổ phiếu: KTB

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Tây Bắc tiền thân là Công ty Cổ Phần Molybden Việt Nam- Thành viên của Tập Đoàn Vinamotor Việt Nam(được xếp hạng vào top “500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Báo Điện Tử Vietnamnet bình chọn và công bố) Được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 2006 và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc vào ngày 08 tháng 07 năm 2010.

Từ một Doanh Nghiệp Cổ Phần với vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần 2 lên 50.000.000.000 đồng bằng hình thức góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập và hoàn tất việc tăng vốn lần 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2010, sau đó chính thức chuyển tên thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn điều lệ lên 268.000.000.000 đồng vào ngày 08/07/2010.

Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK nhà nước và trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2785/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 06/09/2010. Đến ngày 01/10/2010, Công ty niêm yết và giao dịch cổ phiếu KTB trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 24/7/2014, Công ty phát hành thành công 13.400.000 cổ phiếu, nâng mức vốn điều lệ lên 402.000.000.000 đồng.

2.2. Ngành nghề chính và địa bàn kinh doanh

2.2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- ✓ Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng
- ✓ Khai thác đá, cát sỏi, đất sét
- ✓ Bán buôn sắt thép
- ✓ Bán buôn quặng kim loại
- ✓ Bán buôn kim loại khác
- ✓ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi
- ✓ Bán buôn xi măng
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- ✓ Đại lý

2.2.2. Địa bàn và lĩnh vực hoạt động

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc: Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Lai châu,....

Các lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Quặng Vàng

- ✓ Tinh quặng sắt
- ✓ Quặng đồng vàng

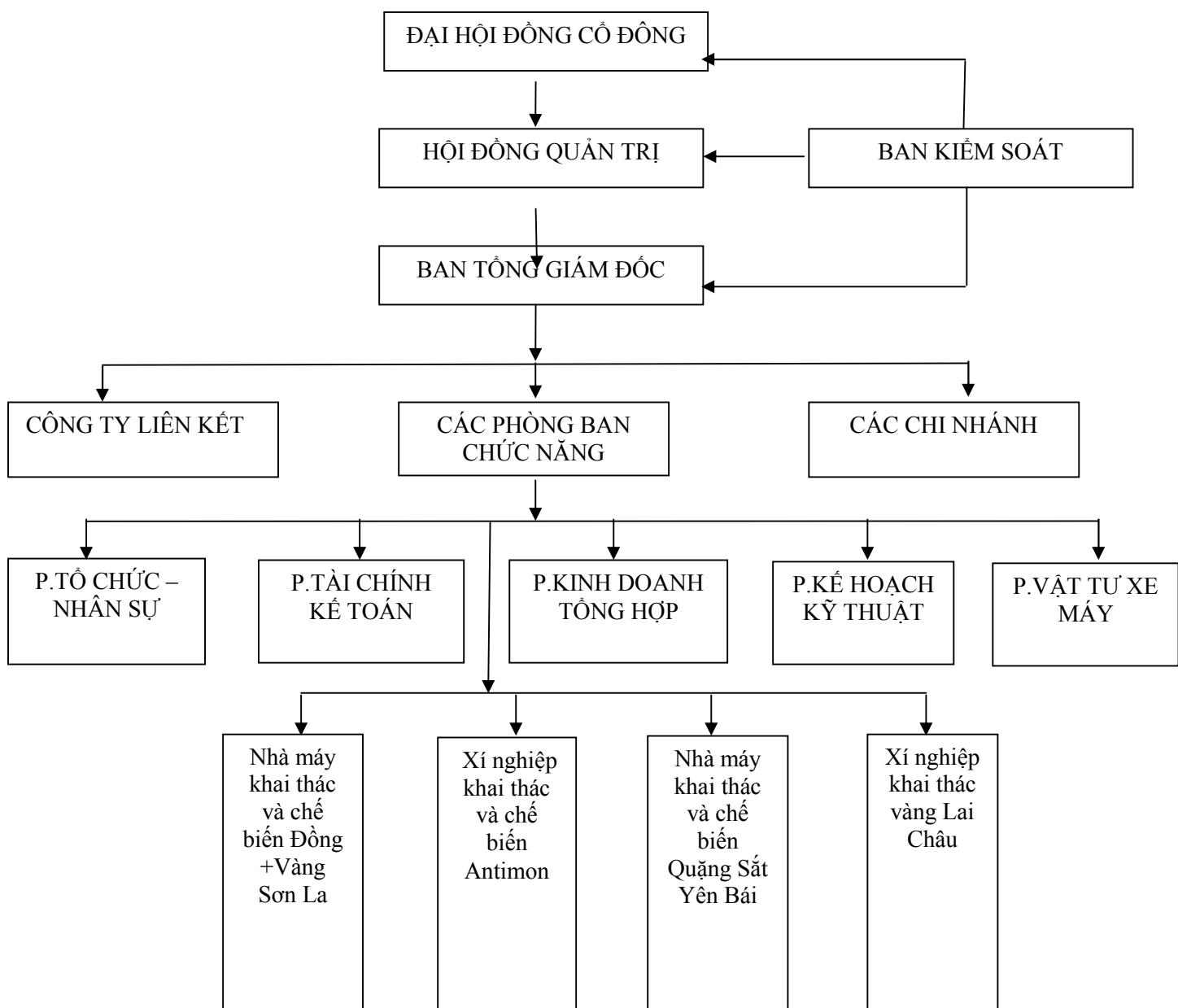
Thị trường tiêu thụ: chủ yếu thị trường trong nước và một phần xuất khẩu thị trường Trung Quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1. Công ty nắm giữ cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc: Không có

3.3.2. Tình hình đầu tư vào Công ty có liên quan:

Công ty cổ phần An Hồng Phương

Địa chỉ: Tổ 9 Phường Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng, xây lắp hệ thống cấp thoát nước; Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, vàng, bạc); Khai thác, chế biến các loại đá, cát, sỏi.

Vốn điều lệ thực góp: 50.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ vốn góp: 10,42%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

4.1.1. Tuân thủ pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước

4.1.2. Đầu tư phù hợp

Để khai thác và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản, Công ty đã không ngừng đầu tư vào trang thiết bị, dây chuyền công nghệ khai thác. Hiện nay, công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác khoáng sản phù hợp với địa chất của từng vùng cũng như đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái...

4.1.3. Chính sách chất lượng

Công ty chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát: Khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai, Sau quặng nguyên khai được đưa vào nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.

4.1.4. Phát triển nguồn nhân lực

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm, vạch ra chiến lược Marketing, tạo lợi thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

Tích cực tìm kiếm, thăm dò và xin cấp phép thêm các mỏ mới nhằm đáp ứng cho các dự án đầu tư mang tính dài hơi, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty

Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về biến động kinh tế

5.1.1. Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan

Hoạt động kinh doanh khai thác khoáng sản chịu sự tác động trực tiếp từ các biến động kinh tế cũng như các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim, v/v... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.1.2. Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát

Phần lớn những máy móc quan trọng phục vụ cho các nhà máy, phân xưởng của Công ty đều được nhập từ nước ngoài và được Công ty thanh toán bằng ngoại tệ (chủ yếu là đồng USD và đồng Nhân dân tệ), nên bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ giá cũng sẽ gây ra những biến động trong chi phí đầu tư và gây khó khăn cho

Công ty trong công tác lập kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, với nhiều công cụ chính sách ổn định vĩ mô được Chính phủ áp dụng trong thời gian vừa qua đã giúp ổn định được tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ giao động xung quanh mức 21.000/1 đô la. Trong thời gian sắp tới tỷ giá đồng Việt Nam được dự báo ổn định và mức độ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh là không lớn.

Bên cạnh đó, năm 2014 lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm nhiều so với các năm trước nên không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

5.1.3. Biến động giá chứng khoán

Việc niêm yết cổ phiếu công ty trên thị trường chứng khoán sẽ đem lại những lợi ích đáng kể như nâng cao uy tín và thương hiệu; tăng cường tính thanh khoản; tạo điều kiện cho việc huy động vốn; hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị, điều hành theo mô hình hiện đại. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi.

Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình cung – cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế – xã hội chung hay từng thời điểm, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,... Sự biến động giá cổ phiếu trong từng thời điểm có thể gây ảnh hưởng đến một số khía cạnh của Công ty, tâm lý khách hàng, và tâm lý nhà đầu tư.

5.2. Rủi ro đặc thù ngành

5.2.1. Rủi ro ngành

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản... có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2.2. Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai

thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3.Rủi ro từ phía Công ty

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

5.4.Rủi ro về Pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ môi trường. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện tuy nhiên, chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chông chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, công ty trong ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận. Cụ thể từ đầu năm 2014, Nhà nước đã chính thức ban hành Nghị định về việc thu tiền cấp quyền khai thác mỏ, đây là một trong những rủi ro lớn của Công ty cũng như các doanh nghiệp trong ngành khoáng sản do phải chịu thêm chi phí rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

6. Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, dịch họa ... Những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến các khách hàng truyền thống cũng như những thị trường tiềm năng, tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2014	Thực hiện năm 2014	Mức độ hoàn thành kế hoạch	So với năm 2013
Doanh thu	200	175,7	88%	Tăng 3,5 lần
Lợi nhuận sau thuế	20	3,64	18%	Tăng 2 lần

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2014 mặc dù tăng rất cao so với năm 2013 nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch đề ra. Do năm 2014, Công ty gặp khó khăn trong sản xuất khi giá quặng sắt – mặt hàng chủ lực của Công ty liên tục giảm, Bên cạnh đó, Công ty gặp sự cố tràn đập chứa bùn trong mùa mưa lũ tại mỏ sắt 409 khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ, sản lượng sụt giảm.

Thay vào đó, Công ty đã tăng cường trở lại hoạt động kinh doanh thương mại để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, mảng kinh doanh thương mại dù đem lại doanh thu cao nhưng lợi nhuận rất hạn chế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm 04 thành viên. Trong đó có 01 thành viên được bầu bổ sung trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/7/2014.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ
1	Bà Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.000.000
2	Ông Vũ Mạnh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng	0

		Giám đốc	
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	100.000
4	Ông Ngô Văn Hiến	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	0

Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban điều hành:

▪ **Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng giám đốc:**

Họ và Tên : Nguyễn Thị Hiên
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 27/07/1967
CMND số : 013326670 cấp ngày 26/06/2010 tại Hà Nội
Nơi sinh : Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xuân tiên, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang
Địa chỉ thường trú : P302, Nơ 4A, Bán đảo Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Quá trình công tác:

Từ 1985-1989: Nhân viên Bưu điện tỉnh Bắc Giang

Từ 2000-2003 : Học tại Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông

Từ 2004-12/2006: Nhân viên Bưu điện Bắc Giang

Từ 1/2007-9/2010: Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư-Công ty TNHH Hùng Dũng

Từ 10/2010-11/2011: Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh

Từ 12/2011- đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Số cổ phần nắm giữ: : 1.000.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước: : 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật: : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với
lợi ích của Công ty : Không

▪ **Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Văn Việt
Ngày sinh: 1966
Số CMND: 121116683 cấp 05/5/2003 tại Bắc Giang
Nơi sinh: Bắc Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tụ lạn-Việt yên-Bắc Giang
Địa chỉ thường trú: Tụ lạn-Việt yên-Bắc Giang

Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2012-nay: Giám đốc Nhà máy đồng Sơn
la-Công ty CP Đầu tư khoáng sản Tây Bắc
Từ 31/7/2017-nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó
Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với: không
lợi ích của Công ty

▪ **Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng**

Họ và Tên : Ngô Văn Hiến

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/10/1983
CMND số	: 100747042 cấp ngày 19/05/2010 tại Hà Nội
Nơi sinh	: Nam Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Nghĩa Hưng-Nam Định
Địa chỉ thường trú	: 55/97/16 Khương Trung-Thanh Xuân-Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	Từ 01/2006-6/2007 : Nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế IFC Từ 06/2007-06/2010: Nhân viên Công ty kiểm toán và tư vấn A&C Từ 07/2010- đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư khoáng sản Tây Bắc
Chức vụ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước	: 0 cổ phần
Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: không
Những khoản nợ với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

▪ **Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Vũ Mạnh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/12/1982
Nơi sinh:	Hòa Bình

CMND:	013261332
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	SN 5B/75 Phố Hồng Mai - P. Bạch Mai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	Từ năm 2007-2010 làm việc tại Tổng công ty cổ phần khoáng sản NARI HAMICO. Từ năm 2011 đến nay làm việc tại Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng giám đốc.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

3. Chính sách đối với người lao động

▪ Số lượng người lao động

Tính đến ngày 31/12/2014, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác của Công ty trên 320 người.

▪ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1

giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm,thai sản: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản(6 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát,. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo,bồi dưỡng,đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiên hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc,tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

▪ **Chính sách lương,thưởng**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lương bình quân của công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 5.000.000đ/tháng. Lương bình quân của khối hành chính: 7.000.000 đ/tháng.

Ngoài các quyền lợi được quy định bởi luật lao động, cán bộ CNV còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Nhà máy đồng Sơn La đã hoàn thành việc lắp đặt dây chuyền thiết bị giai đoạn 1, cho ra sản phẩm sten đồng, có thể tiêu thụ trên thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, Tuy nhiên, hiện Công ty đang thu xếp vốn để tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 điện phân đồng cho ra sản phẩm đồng kim loại, tách các kim loại quý như vàng, bạc nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận sản phẩm.

Hiện nay, Công ty đang tăng cường khai thác hàng loạt các điểm mỏ để đảm bảo nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy hoạt động.

4.2. Mỏ sắt 409 Yên Bái: Trong năm 2014 Công ty tiếp tục mở rộng thêm diện tích khai thác và đổ thải nhằm tận dụng tối đa công suất của máy móc. Tuy nhiên Công ty gặp khó khăn khi giá quặng sắt đang ở mức thấp, bên cạnh đó vào mùa mưa lũ năm 2014, mỏ sắt 409 xảy ra sự cố tràn đập chứa bùn dẫn đến đình trệ sản xuất làm giảm sản lượng sản phẩm.

4.3. Mỏ sắt Cận Còng Yên Bái: đã hoàn thành các hạng mục xây dựng cơ bản và đi vào khai thác, sản lượng quặng thô hàng tháng đạt mức cao. Mặc dù vậy, tình hình thị trường tiêu thụ quặng sắt trong nước cũng như thị trường Trung Quốc đang ở mức thấp, giá quặng sắt thấp, do vậy Công ty đang tạm dừng việc đầu tư lắp đặt dây chuyền tuyển quặng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 40.200.000 cổ phần

Trong đó, số cổ phần chuyển nhượng tự do: 40.200.000 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	402.000.000.000	100
- Cổ đông sáng lập:	0	
- Cổ đông lớn (trên 5%):	0	
1. Cổ đông nắm giữ từ 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	261.188.850.000	65%
2. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	140.811.150.000	35%
3. Cổ phiếu quỹ:	0	
<i>Trong đó:</i>		
- Nhà nước:	0	
- Người nước ngoài:	3.467.500.000	0,86%

5.2.1. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 24/7/2014, Công ty phát hành thành công 13.400.000 cổ phiếu ra công chúng, nâng vốn điều lệ Công ty từ 268.000.000.000 đồng lên 402.000.000.000 đồng.

5.2.2. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.2.3. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, bối cảnh kinh tế trong nước đã có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, lãi suất giảm, sản xuất kinh doanh dần được phục hồi. Tuy nhiên sau nhiều năm khủng hoảng, nền kinh tế vẫn chưa thể bứt phá mạnh mẽ. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới cũng còn nhiều khó khăn, đặc biệt thị trường Trung Quốc tốc độ phát triển kinh tế đã chậm lại khiến nhu cầu về hàng hóa nói chung và các mặt hàng khoáng sản nói riêng giảm sút.

Trong điều kiện như vậy, Công ty đã kết thúc năm 2014 với kết quả kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2014	Thực hiện năm 2014	Mức độ hoàn thành kế hoạch	So với năm 2013
Doanh thu	200	175,7	88%	Tăng 3,5 lần
Lợi nhuận sau thuế	20	3,64	18%	Tăng 2 lần

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng cao so với năm 2013, tuy nhiên chưa đạt được kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do giá cả các mặt hàng của Công ty vẫn ở mức thấp, bên cạnh đó kỳ vọng về sản phẩm đồng kim loại từ Nhà máy luyện kim đồng Sơn La chưa cho nhiều sản phẩm do nguồn nguyên liệu còn thiếu.

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản:			
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản		26%	40%
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	74%	60%
2	Cơ cấu nguồn vốn:			
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn		25%	27%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	75%	73%

2.1. Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài sản:

Năm 2014, Tổng tài sản của Công ty tăng hơn 178 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 47% so với năm 2013. Cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn có sự thay đổi tương đối lớn, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao do phát sinh các khoản trả trước cho người bán và hàng tồn kho.

2.2. Nhóm chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn

Nhóm chỉ tiêu nợ phải trả/tổng nguồn vốn năm 2014 là 25%, Chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2014 là 75%, không thay đổi nhiều so với năm 2013. Tuy nhiên đặc biệt có sự gia tăng lớn nguồn vốn chủ sở hữu với việc Công ty phát hành thành công 13.400.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mang lại 134 tỷ đồng vốn đầu tư cho các dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.3. Những thay đổi về vốn điều lệ và cổ tức

Năm 2014, Công ty tăng vốn điều lệ từ 268 tỷ đồng lên 402 tỷ đồng. Công ty không chi trả cổ tức năm 2014.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2014, Công ty tiếp tục tập trung vào những nhà máy, công trường sản xuất đem lại lợi nhuận cao và cắt giảm đầu tư vào các điểm mỏ chưa hiệu quả. Bên cạnh đó vẫn duy trì tốt mảng kinh doanh thương mại đem lại doanh thu và tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng chủ lực của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2015 tình hình kinh tế trong nước đã có nhiều tiến triển khả quan, tạo môi trường tốt cho các doanh nghiệp duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặc dù vậy, giá cả mặt hàng chủ lực của Công ty là quặng sắt hiện ở mức rất thấp, không đảm bảo sản xuất hiệu quả tại các điểm mỏ, nhà máy tuyển. Bên cạnh đó, việc phát hành trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong năm 2014 không thành công dẫn đến nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy luyện kim đồng bị thiếu hụt, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tạm thời thu hẹp mảng khai thác và chế biến quặng sắt để tập trung toàn bộ nguồn lực cho Nhà máy luyện kim đồng và các xí nghiệp khai thác quặng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động chính của Công ty bao gồm khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

Năm 2014, hoạt động thương mại của Công ty được khôi phục mạnh mẽ, giảm gánh nặng cho hoạt động sản xuất còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chi phí sản xuất tăng cao và giá bán ở mức thấp.

Hoạt động khai thác các điểm mỏ sắt phải thu hẹp do hiệu quả thấp, hoạt động khai thác các điểm mỏ đồng tại Sơn La được tăng cường, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy tuyển, luyện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hoạt động của Ban giám đốc trong năm 2014 chưa đạt được hiệu quả cao, không hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, tuy nhiên với những khó khăn của ngành khoáng sản trong những năm vừa qua, việc Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thành công trong việc huy động vốn giúp

Công ty có nguồn lực hoàn thành các dự án trọng điểm là sự nỗ lực lớn của Ban lãnh đạo Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty định hướng tạm thời thu hẹp sản xuất đối với mặt hàng quặng sắt, tập trung đẩy mạnh hoạt động khai thác và chế biến luyện kim đồng, bên cạnh đó vẫn duy trì mảng kinh doanh thương mại các mặt hàng truyền thống của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2014:

TT	Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD	
2	Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/7/2014
3	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên	
4	Ngô Văn Hiến	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	
5	Vũ Mạnh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	
6	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	Bỏ nhiệm ngày 31/7/2014
7	Lê Xuân Khương	Ủy viên	

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Định kỳ hàng tháng, HĐQT đã tổ chức họp đánh giá các báo cáo của Ban TGD về các hoạt động quản lý và kinh doanh để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn cho hoạt động của Công ty;

Kịp thời nắm bắt và điều chỉnh các chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp với tình hình kinh tế trong nước;

Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty.

1.3. Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2014

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	10.01/2015/QĐ-HĐQT	10/01/2014	Phương hướng hoạt động và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
2	29.04/2014/NQ-HĐQT	29/4/2014	Điều chỉnh thời gian phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
3	15.05/2014/NQ-HĐQT	15/5/2014	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
4	30.06/2014/NQ-HĐQT	30/6/2014	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014 và xoát sết BCTC Bán niên
5	17.07/2014/NQ-HĐQT	17/7/2014	Lựa chọn đối tượng mua cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
6	24.07/2014/NQ-HĐQT	24/7/2014	Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
7	31.07/2014/NQ-ĐHĐCĐ	31/7/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
8	03.09/2014/NQ-HĐQT	03/9/2014	Lưu ký bổ sung và Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

1.4. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

❖ Về ưu điểm

Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước;

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT

và Ban điều hành tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được sự gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

❖ Những tồn tại

Chưa tận dụng hết lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nâng cao hiệu quả khai thác sản phẩm. Chưa chủ động trong việc thăm dò, tìm kiếm mở rộng địa bàn khai thác các nguồn tài nguyên.

Các chính sách về kiểm soát ngành khoáng sản của nhà nước trong năm qua cũng làm cho việc cấp phép cũng như thăm dò các nguồn tài nguyên mới của Công ty gặp những khó khăn vướng mắc nhất định. Bên cạnh đó, việc thu tiền cấp quyền khai thác từ đầu năm 2014 cũng làm tăng chi phí rất lớn cho Công ty.

❖ Biện pháp khắc phục

Nghiên cứu và đề xuất với cơ quan quản lý Nhà nước giảm chi phí cấp quyền khai thác, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các mặt hàng khoáng sản.

Xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy chế đã ban hành.

Có kế hoạch cụ thể để giải quyết triệt để, kịp thời và nghiêm túc các tồn tại nảy sinh, Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty; khai thác tốt sự hợp tác phối hợp của người lao động và cổ đông của Công ty.

Nắm bắt kịp thời, dự báo trước những thay đổi về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường để chủ động đánh giá, kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động;

Tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa Quy chế Tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban kiểm soát
2	Âu Văn Long	Thành viên
3	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban TGD, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động SXKD, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc, phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty và các bộ phận phòng ban hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	240.000.000	-	-	240.000.000
2	Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	102.000.000	-	-	102.000.000
3	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên HĐQT	90.000.000	-	-	90.000.000
4	Nguyễn Văn Việt	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	102.000.000			102.000.000
5	Lê Xuân Khương	Ủy viên HĐQT	90.000.000			90.000.000
6	Vũ Mạnh	Ủy viên HĐQT kiêm phó TGD	204.000.000	-	-	204.000.000
7	Ngô Văn Hiến	Ủy viên HĐQT kiêm KTT	180.000.000	-	-	180.000.000
8	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng BKS	180.000.000	-	-	180.000.000
	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên BKS	120.000.000	-	-	120.000.000
	Âu Văn Long	Thành viên BKS	120.000.000	-	-	120.000.000

* Ông Nguyễn Hồng Tiến và Ông Hứa Trung Sỹ từ nhiệm, Ông Nguyễn Văn Việt và Ông Lê Xuân Khương được bầu bổ sung ngày 31/7/2014.

3.2. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2014	Thay đổi tỷ lệ sở hữu
	Hội Đồng Quản Trị	0	1.200.000	0%
1	Nguyễn thị Hiên	0	1.000.000	2,5%
2	Nguyễn Hồng tiến	0	0	0
3	Hứa Trung Sỹ	0	0	0
4	Ngô Văn Hiến	0	0	0
5	Vũ Mạnh	0	0	0
6	Nguyễn Văn Việt	0	100.000	0,25%
7	Lê Xuân Khương	0	100.000	0,25%
	Ban kiểm soát	0	10.000	0,025%
1	Nguyễn Văn Hưng	0	0	0
2	Âu Văn Long	0	0	0
3	Đỗ Thị Thanh Dung	0	10.000	0,025%
	Cộng	0	1.210.000	3,025%

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đăng trên website Công ty: www.ktb.com.vn)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THỊ HIÊN